

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, P. An Bình, Tp. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, P. An Bình, Tp. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 24/05/2024
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch thường trực	
Bà Phan Thuỳ Giang	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Akhil Jain	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/05/2024
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên độc lập	

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thành Việt	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 04/09/2024
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 04/09/2024
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thuỳ Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 07/08/2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 03/02/2025
Ông Lê Cát Hanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 11/01/2024

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Phạm Thị Thu Hằng.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 04/09/2024
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 04/09/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng kèm theo, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, P. An Bình, Tp. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Kiên

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 438 /2025/UHY-BCKT

uhy.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần DNP Holding
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần DNP Holding tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần DNP Holding cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại Báo cáo kiểm toán số 12845954/66923155 ngày 29/03/2024.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thùy Trang

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4710-2023-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.454.544.813.752	2.067.082.759.604
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	662.359.503.003	447.103.130.936
Tiền	111		60.459.503.003	73.079.984.590
Các khoản tương đương tiền	112		601.900.000.000	374.023.146.346
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.1	99.009.778.696	122.676.286.772
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		99.009.778.696	122.676.286.772
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		462.651.468.913	1.285.709.786.657
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	441.753.774.419	537.846.413.264
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	112.603.118.264	120.869.215.226
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200.000.000	1.990.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	34.259.199.745	739.995.245.551
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,7,8	(126.164.623.515)	(114.991.087.384)
Hàng tồn kho	140	9	200.549.564.633	190.294.046.405
Hàng tồn kho	141		202.648.143.143	192.392.624.915
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.098.578.510)	(2.098.578.510)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.974.498.507	21.299.508.834
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.348.194.234	1.913.428.230
Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.736.314.393	16.531.188.856
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.889.989.880	2.854.891.748
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.768.796.848.384	2.791.771.306.719
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.693.662.322	1.746.407.197
Phải thu dài hạn khác	216	8	4.693.662.322	1.746.407.197
Tài sản cố định	220		85.139.229.351	101.306.772.470
Tài sản cố định hữu hình	221	11	50.823.732.929	83.662.734.990
- Nguyên giá	222		234.345.696.402	281.408.248.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.521.963.473)	(197.745.513.485)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	33.928.805.549	17.412.162.112
- Nguyên giá	225		47.470.598.541	25.652.578.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.541.792.992)	(8.240.416.666)
Tài sản cố định vô hình	227	13	386.690.873	231.875.368
- Nguyên giá	228		455.865.000	245.865.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(69.174.127)	(13.989.632)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.000.735.575	4.916.890.072
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.000.735.575	4.916.890.072
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.658.672.387.166	2.665.672.387.166
Đầu tư vào công ty con	251	5.2	2.653.572.387.166	2.653.572.387.166
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.1	5.100.000.000	12.100.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		18.290.833.970	18.128.849.814
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.914.096.163	5.752.112.007
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		12.376.737.807	12.376.737.807
TỔNG TÀI SẢN	270		4.223.341.662.136	4.858.854.066.323

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.088.587.898.212	3.221.556.679.263
Nợ ngắn hạn	310		1.444.818.062.606	2.070.932.066.030
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	119.371.157.510	170.128.999.570
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	6.530.358.562	3.338.569.882
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.850.377.364	20.707.692.447
Phải trả người lao động	314		8.562.722.781	4.198.063.579
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	12.483.060.280	48.224.154.526
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	240.356.746	288.230.339.427
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.293.721.341.382	1.534.045.558.618
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.058.687.981	2.058.687.981
Nợ dài hạn	330		643.769.835.606	1.150.624.613.233
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.979.749.359	152.180.199
Phải trả dài hạn khác	337	19	466.700.000.000	1.025.700.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	175.090.086.247	124.772.433.034
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.134.753.763.924	1.637.297.387.060
Vốn chủ sở hữu	410	20	2.134.753.763.924	1.637.297.387.060
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		506.898.575.480	270.847.905.480
Cổ phiếu quỹ	415		(28.342.000)	(28.342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		725.180.292	725.180.292
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		217.409.890.152	176.653.513.288
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.653.513.288	151.660.982.614
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		40.756.376.864	24.992.530.674
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.223.341.662.136	4.858.854.066.323



Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDINGKhu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024**Mẫu số B02 - DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	2.889.679.567.687	2.258.961.775.711
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	834.324.761	1.241.605.017
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.888.845.242.926	2.257.720.170.694
Giá vốn hàng bán	11	24	2.637.106.941.785	1.977.890.264.383
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		251.738.301.141	279.829.906.311
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	36.625.322.534	43.322.394.775
Chi phí tài chính	22	26	141.474.552.357	170.526.200.659
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.648.545.717	126.688.402.256
Chi phí bán hàng	25	27	43.749.452.553	40.339.830.660
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	52.244.813.752	68.613.941.159
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.894.805.013	43.672.328.608
Thu nhập khác	31	29	26.401.847.509	3.245.371.375
Chi phí khác	32	30	25.895.844.849	7.062.643.023
Lợi nhuận khác	40		506.002.660	(3.817.271.648)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.400.807.673	39.855.056.960
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	10.644.430.809	27.239.264.093
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	(12.376.737.807)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.756.376.864	24.992.530.674

**Trịnh Kiên**
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng**Nguyễn Hữu Quân**
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDINGKhu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024**Mẫu số B03 - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		51.400.807.673	39.855.056.960
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		24.469.589.702	24.939.199.937
Các khoản dự phòng	03		11.173.536.131	19.661.406.969
Lỗ / (Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		738.167.874	(77.290.313)
(Lãi) / Lỗ hoạt động đầu tư	05		(26.928.066.671)	3.502.357.516
Chi phí lãi vay	06		95.648.545.717	128.509.556.280
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		156.502.580.426	216.390.287.349
Giảm / (Tăng) các khoản phải thu	09		31.328.237.506	(379.457.817.842)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(10.326.829.521)	(22.736.331.417)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		313.129.546.083	290.377.465.033
Giảm / (Tăng) chi phí trả trước	12		403.249.840	(279.626.513)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	541.911.500.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(104.947.538.500)	(131.471.689.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.330.410.534)	(21.495.585.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		357.758.835.300	493.238.202.061
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.876.235.791)	(4.040.832.280)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.687.377.889	748.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(82.311.418.034)	(31.790.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.605.603.239	32.295.231.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(272.835.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	36.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.536.690.386	24.723.395.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		76.642.017.689	(214.899.024.351)

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		2.841.279.853.735	2.052.775.991.379
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.044.257.502.370)	(2.121.954.205.218)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(16.568.740.021)	(11.822.020.983)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(219.546.388.656)	(81.000.234.822)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		214.854.464.333	197.338.942.888
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	447.103.130.936	249.760.648.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		401.907.734	3.539.229
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	662.359.503.003	447.103.130.936



Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Mẫu số B09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 06 tháng 09 năm 2024.

Hiện tại Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu: DNP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty chi tiết như sau:

1. Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty là: 1.409.748.460.000 đồng, tương đương 140.974.846 cổ phần, theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 06 tháng 09 năm 2024.
2. Mệnh giá cổ phiếu tại Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 218 người (tại ngày 31/12/2023 là 222 người).

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính trong năm tài chính của Công ty là sản xuất sản phẩm từ nhựa.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 04 Công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung)	Lô 06, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01	51,01
3	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	Đầu tư vào các công ty/ dự án nước sạch	51,15	51,15
4	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 – B11, KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	51,14

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 25 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2023: 18 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Bắc Giang	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,15	100,00
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, đường Đình Công Tráng, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	47,34	92,55
3	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6 – A7 KDC Kênh Bàu, Phường Xuân An, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,95	97,04
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,29	57,26
5	Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,94	52,68
6	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489 đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,99	59,47
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,13	99,97
8	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	M5, Tôn Đức Thắng, Phường Phú Thủy, TP Phan Thiết	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	40,28	99,93
9	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Số 25 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	50,00
10	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Số 27 Lê Trung Nghĩa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	49,17	99,00
11	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	26,34	51,51
12	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	26,34	100,00
13	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	26,34	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.3 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
14	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Tân Phú, phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	43,06	84,19
15	Công ty Cổ phần Nước thô DNP-Sông Tiền	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	47,18	92,24
16	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco VN	Số 7 hẻm 194/70/4 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	70,00
17	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10 – B11 KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, TP Việt Trì	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	99,99
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	STH19.25 Đường số 13 Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, Phường Phước Hải, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,13	55,00
19	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Đường Dankia, Phường 7, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	23,3	90,00
20	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	388 Lý Thái Tổ, P. Yên Đỗ, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,2	51,00
21	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Số 928, Quốc lộ 22, Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25,88	100,00
22	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, HCM	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,88	50,61
23	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT	Lô B10 – B11 Khu Công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng	51,14	100,00
24	Viện khoa học và công nghệ nước	Tầng 19, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và thực hiện các dự án trong lĩnh vực	39,73	50,00
25	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	12 Trần Quang Khải, Phường An Phước, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20,02	77,33

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 5 Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	25,01
2	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	25,00
3	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ Tầng Meta (Trước đây là Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện)	Tầng 18, Ngọc Khánh Plaza số 1 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12,17	24,50
4	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	86 Phó Đức Chính, Xã Biển Hồ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,68	49,00
5	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	12 Trần Quang Khải, Phường An Phước, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,68	49,00

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****2.2 NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ***Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05-10 năm
Máy móc thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-07 năm
Thiết bị văn phòng	03-05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 THUÊ TÀI SẢN**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí công cụ dụng cụ,
- Chi phí dịch vụ mua ngoài,
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Việc ghi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong năm. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.14 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.15 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư, và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc Năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.16 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.17 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền / Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm nay và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế

thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch,
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho Năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn

chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.22 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với một số bộ phận hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	432.440.602	176.163.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.027.062.401	72.903.821.506
Các khoản tương đương tiền (*)	601.900.000.000	374.023.146.346
Cộng	662.359.503.003	447.103.130.936

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất là 3,7%/năm đến 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

a) Ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và trên 3 tháng (*)	99.009.778.696	99.009.778.696	122.676.286.772	122.676.286.772
Cộng	99.009.778.696	99.009.778.696	122.676.286.772	122.676.286.772

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có thời hạn từ (3) tháng trở lên và không vượt quá một (1) năm, và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5%/năm. Tại ngày 31/12/2024, các khoản tiền gửi ngân hạn với tổng giá trị là 86 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng.

b) Dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Đầu tư trái phiếu	5.100.000.000	5.100.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000
Cộng	5.100.000.000	5.100.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000

Tổ chức phát hành

	Số lượng	Mệnh giá (VND/trái phiếu)	Số tiền	Ngày đáo hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	51.000	100.000	5.100.000.000	Ngày 20 tháng 07 năm 2031	Lãi suất tham chiếu + 1%/năm (*)
Cộng	51.000		5.100.000.000		

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thế chấp 51.000 trái phiếu năm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo các khoản vay cho ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty con	2.653.572.387.166	-	(**)	2.653.572.387.166	-	(**)
- Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (1)	1.351.497.317.928	-	(**)	1.351.497.317.928	-	(**)
- Công ty Cổ phần CMC (2)	978.815.948.184	-	(**)	978.815.948.184	-	(**)
- Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (3)	285.792.400.700	-	(**)	285.792.400.700	-	(**)
- Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai (4) (trước đây là Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai miền Trung)	37.466.720.354	-	(**)	37.466.720.354	-	(**)
Cộng	2.653.572.387.166	-	(**)	2.653.572.387.166	-	(**)

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn trên để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý bằng cách sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP số tiền 1.351.497.317.928 đồng tương đương 51,15% tỷ lệ sở hữu. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2400813885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 26 tháng 4 năm 2017 và các lần điều chỉnh sau đó với hoạt động kinh doanh chính là khai thác, xử lý, cung cấp nước và tư vấn quản lý. Tại ngày 31/12/2024, công ty con đang hoạt động bình thường.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CMC số tiền 978.815.948.184 đồng tương đương 51,14% tỷ lệ sở hữu. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600106523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2006, thay đổi lần thứ 14 vào ngày 23 tháng 01 năm 2025 với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác. Tại ngày 31/12/2024, công ty con đang hoạt động bình thường.

(3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam số tiền 285.792.400.700 đồng tương đương 51,01% tỷ lệ sở hữu. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và các lần điều chỉnh sau đó với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp. Tại ngày 31/12/2024, công ty con đang hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP)

(4) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai số tiền 37.466.720.354 đồng tương đương 99,33% tỷ lệ sở hữu. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000434893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 14 tháng 7 năm 2023 với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ổng nước. Tại ngày 31/12/2024, công ty con đang hoạt động bình thường.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Phải thu khách hàng kinh doanh ổng và phụ kiện	441.753.774.419	(121.618.806.122)	537.846.413.264	(110.361.750.828)
+ Phải thu khách hàng số 1	398.351.452.459	(121.618.806.122)	506.692.318.736	(110.361.750.828)
+ Phải thu khách hàng số 2	5.064.856.389	-	76.879.478.068	-
+ Phải thu khách hàng số 3	43.941.545.878	(18.420.678.219)	82.693.674.458	(7.916.620.505)
+ Phải thu khách hàng khác	55.299.896.499	(1.802.913.537)	58.087.209.935	-
- Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	294.045.153.693	(101.395.214.366)	289.031.956.275	(102.445.130.323)
Dài hạn	43.402.321.960	-	31.154.094.528	-
Cộng	441.753.774.419	(121.618.806.122)	537.846.413.264	(110.361.750.828)

Tại ngày 31/12/2024, các khoản phải thu khách hàng với tổng giá trị 270 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
112.603.118.264	(3.378.490.389)	120.869.215.226	(3.378.490.389)
112.603.118.264	(3.378.490.389)	120.869.215.226	(3.378.490.389)
52.910.230.419	-	31.785.884.662	-
52.455.319.464	-	78.336.517.814	-
7.237.568.381	(3.378.490.389)	10.746.812.750	(3.378.490.389)
-	-	-	-
112.603.118.264	(3.378.490.389)	120.869.215.226	(3.378.490.389)

Ngắn hạn

- Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa
- + Trả trước cho người bán số 1
- + Trả trước cho người bán số 2
- + Trả trước cho người bán khác

Dài hạn

Cộng

8. PHẢI THU KHÁC

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
34.259.199.745	(967.327.006)	739.995.245.551	(1.050.846.167)
-	-	706.947.847.222	-
2.655.034.854	-	2.812.852.121	-
29.711.410.236	-	28.733.415.096	-
436.928.073	-	394.004.106	-
1.455.826.582	(967.327.006)	1.107.127.006	(1.050.846.167)
4.693.662.322	-	1.746.407.197	-
2.788.149.724	-	1.022.594.881	-
1.905.512.598	-	723.812.316	-
38.952.862.067	(967.327.006)	741.741.652.748	(1.050.846.167)

Ngắn hạn

- Phải thu liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay, hợp tác đầu tư
- Ký quỹ, ký cược
- Tạm ứng cho nhân viên
- Phải thu khác

Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược
- Thuế giá trị gia tăng của tài sản thuê tài chính

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	60.978.717.680	-	47.985.048.051	-
- Nguyên liệu, vật liệu	58.255.052.682	-	63.281.811.423	-
- Hàng hóa	13.664.823.364	(15.852.210)	19.504.185.473	(161.203.789)
- Thành phẩm	59.848.041.891	(2.082.726.300)	59.785.692.016	(1.937.374.721)
- Hàng gửi đi bán	9.700.547.526	-	1.835.887.952	-
Cộng (*)	202.648.143.143	(2.098.578.510)	192.392.624.915	(2.098.578.510)

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.348.194.234	1.913.428.230		
- Công cụ, dụng cụ	269.266.315	939.389.836		
- Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	1.078.927.919	974.038.394		
Dài hạn	5.914.096.163	5.752.112.007		
- Công cụ, dụng cụ	1.823.613.637	3.662.180.957		
- Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	4.090.482.526	2.089.931.050		
Cộng	7.262.290.397	7.665.540.237		

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	18.906.909.749	246.319.508.162	13.689.526.724	2.492.303.840	281.408.248.475
- Mua TSCĐ TTC trong năm	-	5.080.565.909	-	-	5.080.565.909
- Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	80.000.000	9.278.844.256	495.000.000	150.242.000	10.004.086.256
- Thanh lý tài sản để tái thuê	-	(52.460.280.077)	(1.663.478.416)	-	(54.123.758.493)
- Thanh lý, nhượng bán tài sản	-	(5.621.854.187)	(2.277.927.272)	(123.664.286)	(8.023.445.745)
- Phân loại lại	-	(707.544.083)	707.544.083	-	-
31/12/2024	18.986.909.749	201.889.239.980	10.950.665.119	2.518.881.554	234.345.696.402
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(15.333.340.809)	(170.589.217.190)	(9.565.101.942)	(2.257.853.544)	(197.745.513.485)
- Khấu hao trong năm	(865.772.194)	(15.224.003.248)	(875.239.590)	(84.894.623)	(17.049.909.655)
- Mua lại TSCĐ TTC	-	(2.063.119.226)	-	-	(2.063.119.226)
- Thanh lý tài sản để tái thuê	-	28.746.415.547	840.263.511	-	29.586.679.058
- Thanh lý, nhượng bán tài sản	-	1.976.607.909	1.649.627.640	123.664.286	3.749.899.835
- Phân loại lại	-	(463.751.047)	463.751.047	-	-
31/12/2024	(16.199.113.003)	(157.617.067.255)	(7.486.699.334)	(2.219.083.881)	(183.521.963.473)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	3.573.568.940	75.730.290.972	4.124.424.782	234.450.296	83.662.734.990
31/12/2024	2.787.796.746	44.272.172.725	3.463.965.785	299.797.673	50.823.732.929

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là: 169.347.656.375 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là: 107.461.297.848 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang được dùng để làm tài sản đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng tại ngày 31/12/2024 là 18.576.662.257 đồng (tại 01/01/2024 số tiền là: 15.154.690.069 đồng).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	25.652.578.778	-	25.652.578.778
- Bán và thuê lại tài sản	25.981.193.239	889.363.433	26.870.556.672
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(5.052.536.909)	-	(5.052.536.909)
31/12/2024	46.581.235.108	889.363.433	47.470.598.541
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	(8.240.416.666)	-	(8.240.416.666)
- Khấu hao trong năm	(7.233.547.266)	(130.948.286)	(7.364.495.552)
- Khấu hao giảm do chuyển sang TSCĐ hữu hình	2.063.119.226	-	2.063.119.226
31/12/2024	(13.410.844.706)	(130.948.286)	(13.541.792.992)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	17.412.162.112	-	17.412.162.112
31/12/2024	33.170.390.402	758.415.147	33.928.805.549

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	245.865.000	245.865.000
- Mua trong năm	210.000.000	210.000.000
31/12/2024	<u>455.865.000</u>	<u>455.865.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(13.989.632)	(13.989.632)
- Khấu hao trong năm	(55.184.495)	(55.184.495)
31/12/2024	<u>(69.174.127)</u>	<u>(69.174.127)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>231.875.368</u>	<u>231.875.368</u>
31/12/2024	<u>386.690.873</u>	<u>386.690.873</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	119.371.157.510	119.371.157.510	170.128.999.570	170.128.999.570
- Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	118.739.461.542	118.739.461.542	169.673.318.780	169.673.318.780
+ Phải trả người bán số 1	34.863.515.225	34.863.515.225	12.565.544.561	12.565.544.561
+ Phải trả người bán số 2	30.935.667.060	30.935.667.060	164.158.903	164.158.903
+ Phải trả người bán số 3	15.189.941.745	15.189.941.745	26.424.149.400	26.424.149.400
+ Phải trả người bán khác	37.750.337.512	37.750.337.512	130.519.465.916	130.519.465.916
- Phải trả người bán về tài sản cố định ngành nhựa	631.695.968	631.695.968	455.680.790	455.680.790
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	119.371.157.510	119.371.157.510	170.128.999.570	170.128.999.570

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	6.530.358.562	6.530.358.562	3.338.569.882	3.338.569.882
- Người mua trả tiền trước kinh doanh ống và phụ kiện	5.475.298.448	5.475.298.448	2.283.509.768	2.283.509.768
+ Người mua trả tiền trước số 1	961.677.029	961.677.029	961.677.029	961.677.029
+ Người mua trả tiền trước số 2	744.710.404	744.710.404	744.710.404	744.710.404
+ Người mua trả tiền trước số 3	1.567.448.346	1.567.448.346	-	-
+ Người mua trả tiền trước khác	2.201.462.669	2.201.462.669	577.122.335	577.122.335
- Người mua trả tiền trước kinh doanh bao bì	1.055.060.114	1.055.060.114	1.055.060.114	1.055.060.114
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.530.358.562	6.530.358.562	3.338.569.882	3.338.569.882

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Các loại thuế khác

Cộng

01/01/2024	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
19.530.410.534	10.650.377.364	28.330.410.534	1.850.377.364	
8.300.980	235.893.187	244.194.167	-	
1.168.980.933	620.178.453	1.789.159.386	-	
20.707.692.447	11.506.449.004	30.363.764.087	1.850.377.364	

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Các loại thuế khác

Cộng

01/01/2024	Số phải thu trong năm		Số đã được khấu trừ	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
1.600.723.342	1.267.166.584	530.498.468	2.337.391.458	
1.254.168.406	611.421.238	1.326.614.150	538.975.494	
-	10.562.928	-	10.562.928	
-	3.060.000	-	3.060.000	
2.854.891.748	1.892.210.750	1.857.112.618	2.889.989.880	

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Ngắn hạn	1.534.045.558.618	1.534.045.558.618	2.778.083.823.819	3.018.408.041.055	1.293.721.341.382	1.293.721.341.382
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	397.709.137.069	397.709.137.069	1.105.630.668.029	1.035.258.144.914	468.081.660.184	468.081.660.184
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn	196.295.757.992	196.295.757.992	448.542.068.750	447.037.479.015	197.800.347.727	197.800.347.727
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP.HCM	132.394.710.490	132.394.710.490	417.671.379.596	411.547.772.899	138.518.317.187	138.518.317.187
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	81.086.241.545	81.086.241.545	218.158.341.848	199.463.999.164	99.780.584.229	99.780.584.229
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	75.628.794.313	75.628.794.313	246.677.253.627	177.363.160.955	144.942.886.985	144.942.886.985
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Thăng Long	-	-	44.725.704.873	-	44.725.704.873	44.725.704.873
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	37.962.559.800	37.962.559.800	99.240.574.352	87.603.324.687	49.599.809.465	49.599.809.465
- Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	41.231.812.872	41.231.812.872	83.479.487.660	82.984.620.706	41.726.679.826	41.726.679.826
- Các Tổ chức và cá nhân khác	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Nai	319.599.996	319.599.996	479.400.034	799.000.030	-	-
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	4.716.944.541	4.716.944.541	14.198.945.050	9.650.538.685	9.265.350.906	9.265.350.906
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (1)	556.700.000.000	556.700.000.000	99.280.000.000	556.700.000.000	99.280.000.000	99.280.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Dài hạn	124.772.433.034	124.772.433.034	205.974.199.633	155.656.546.420	175.090.086.247	175.090.086.247
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Nai	479.400.034	479.400.034	-	479.400.034	-	-
- Các Tổ chức và cá nhân khác (2)	22.000.000.000	22.000.000.000	27.700.000.000	35.500.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn (3)	3.733.033.000	3.733.033.000	29.539.824.633	21.117.146.386	12.155.711.247	12.155.711.247
- Trái phiếu dài hạn (1)	98.560.000.000	98.560.000.000	148.734.375.000	98.560.000.000	148.734.375.000	148.734.375.000
Cộng	1.658.817.991.652	1.658.817.991.652	2.984.058.023.452	3.174.064.587.475	1.468.811.427.629	1.468.811.427.629

Công ty vay các khoản vay ngân hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay ngân hạn từ ngân hàng vào ngày lập báo cáo tài chính chịu lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân. Chi tiết thể hiện như sau:

STT	Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc	Hạn mức	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Trường Sơn	Từ ngày 06/02/2025 đến ngày 09/06/2025	200 tỷ	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty. Cổ phiếu tại Công Ty sở hữu bởi Ban lãnh đạo của Công ty
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai	Từ ngày 24/02/2025 đến ngày 30/06/2025	500 tỷ	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho, nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty
3	Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP.HCM	Từ ngày 03/01/2025 đến ngày 15/04/2025	8,8 triệu usd	Tín chấp
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế - Chi nhánh TP.HCM	Từ ngày 10/03/2025 đến ngày 27/05/2025	100 tỷ	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho, nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 17/03/2025	300 tỷ	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng, và hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT	Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc	Hạn mức	Hình thức đảm bảo			
6	Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Sở giao dịch Đồng Nai	Từ ngày 18/03/2025 đến ngày 02/04/2025	100 tỷ	Tín chấp			
7	Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 28/02/2025	200 tỷ	Cổ phiếu của bên thứ ba			
8	Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Từ ngày 17/02/2025 đến ngày 25/02/2025	2,5 triệu usd	Tín chấp			
(1) Trái phiếu							
		Số đầu năm (VND)	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
	AEP II Holdings Pte/ Ltd (*)	456.700.000.000	-	5 năm	5,0	Tái cơ cấu nợ	Cổ phiếu của một số cổ đông của Công ty và cổ phần của Công ty tại các Công ty con
	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	198.560.000.000	99.280.000.000	5 năm	9,5	Bổ sung vốn lưu động	Cổ phần của Công ty tại một số công ty con
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	148.734.375.000	48 tháng	10,5	Tái cơ cấu nợ	Đảm bảo bằng cổ phần
	Tổng cộng	655.260.000.000	248.014.375.000				
	Trong đó:						
	Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	556.700.000.000	99.280.000.000				
	Trái phiếu dài hạn	98.560.000.000	148.734.375.000				

(*) Đây là trái phiếu dài hạn đến hạn trả đã được chuyển đổi sang cổ phiếu dẫn đến tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 05/07/2024 thông qua việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu (456.700 trái phiếu đã đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành 22.064.933 cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Các Tổ chức và cá nhân khác

Đây là Khoản vay với các Tổ chức và cá nhân khác có lãi suất là 11%, thời hạn vay là 5 năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp. Mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(3) Nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính
Dài hạn đến hạn trả	10.807.268.672	1.541.917.766	5.307.914.379	590.969.837
Dài hạn	13.928.808.753	1.773.097.506	4.078.277.006	345.244.006
Cộng	24.736.077.425	3.315.015.272	9.386.191.385	936.213.843
				8.449.977.542

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	12.483.060.280	48.224.154.526
- Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	21.000.000.000
- Chi phí lãi vay	7.426.119.002	16.725.111.785
- Trích trước chi phí lương	1.184.081.966	6.458.087.625
- Cước vận chuyển	1.708.108.215	829.959.296
- Khác	2.164.751.097	3.210.995.820
Dài hạn	-	-
Cộng	12.483.060.280	48.224.154.526

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Công ty thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi hai bên quyết toán các khoản đầu tư.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	240.356.746	288.230.339.427
- Kinh phí công đoàn	234.967.196	-
- Bảo hiểm xã hội	-	230.339.427
- Phải trả liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu (2)	-	288.000.000.000
- Phải trả khác	5.389.550	-
Dài hạn	466.700.000.000	1.025.700.000.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (1)	466.700.000.000	569.000.000.000
- Phải trả liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu (2)	-	456.700.000.000
Cộng	466.940.356.746	1.313.930.339.427

(1) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Công ty thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi hai bên quyết toán các khoản đầu tư.

(2) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi phát hành cho AEP II Holdings Pte. Ltd.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND				VND	VND
01/01/2023	1.189.099.130.000	270.847.905.480	-	(28.342.000)	725.180.292	151.660.982.614	1.612.304.856.386
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.992.530.674	24.992.530.674
31/12/2023	1.189.099.130.000	270.847.905.480	-	(28.342.000)	725.180.292	176.653.513.288	1.637.297.387.060
01/01/2024	1.189.099.130.000	270.847.905.480	-	(28.342.000)	725.180.292	176.653.513.288	1.637.297.387.060
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	40.756.376.864	40.756.376.864
Tăng vốn trong năm (*)	220.649.330.000	236.050.670.000	-	-	-	-	456.700.000.000
31/12/2024	1.409.748.460.000	506.898.575.480	-	(28.342.000)	725.180.292	217.409.890.152	2.134.753.763.924

(*) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/2024/NQ-HĐQT, ngày 04/07/2024, Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu, số lượng trái phiếu đã đăng ký thực hiện chuyển đổi là 456.700 trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**20.2. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.189.099.130.000	1.189.099.130.000
+ Vốn góp tăng trong năm	220.649.330.000	-
+ Vốn góp cuối năm	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3. CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Vốn góp của các cổ đông	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
Cộng	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000

20.4. CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.974.846	118.909.913
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.974.846	118.909.913
+ Cổ phiếu phổ thông	140.974.846	118.909.913
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
+ Cổ phiếu phổ thông	8.810	8.810
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	118.901.103
+ Cổ phiếu phổ thông	140.966.036	118.901.103
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	50.963,07	24.432,80

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa	2.889.035.451.728	2.192.075.468.579
- Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	-	1.296.283.859
- Doanh thu khác	644.115.959	65.590.023.273
Cộng	2.889.679.567.687	2.258.961.775.711

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hàng bán bị trả lại	-	1.241.605.017
- Chiết khấu thương mại	834.324.761	-
Cộng	834.324.761	1.241.605.017

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn từ hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.637.106.941.785	1.977.890.264.383
Cộng	2.637.106.941.785	1.977.890.264.383

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	8.525.600.148	8.878.191.411
- Lãi từ hợp tác đầu tư	18.551.593.700	28.345.203.700
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	9.051.912.181	3.984.208.218
- Doanh thu tài chính khác	496.216.505	2.114.791.446
Cộng	36.625.322.534	43.322.394.775

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	95.648.545.717	126.688.402.256
- Chi phí hợp tác đầu tư	24.540.429.042	28.898.759.722
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.793.531.115	6.752.291.861
- Chi phí tài chính khác	9.492.046.483	8.186.746.820
Cộng	141.474.552.357	170.526.200.659

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên	7.878.009.032	8.717.190.100
- Chi phí vật liệu, dụng cụ	1.243.489.469	1.897.847.729
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.279.060.194	1.606.042.567
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.536.083.139	25.744.777.043
- Chi phí khác bằng tiền	2.812.810.719	2.373.973.221
Cộng	43.749.452.553	40.339.830.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	19.781.772.022	22.838.162.417
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.656.896.282	2.353.083.684
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.003.124.235	1.251.721.027
- Thuế, phí và lệ phí	2.553.237.013	2.344.959.129
- Chi phí dự phòng	11.173.536.131	20.020.504.908
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.833.918.043	19.805.509.994
- Chi phí bằng tiền khác	1.242.330.026	-
Cộng	52.244.813.752	68.613.941.159

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập từ bán tài sản bán tái thuê	24.537.079.435	828.461.640
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.122.493.650	1.701.065.800
- Thu nhập khác	742.274.424	715.843.935
Cộng	26.401.847.509	3.245.371.375

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá trị còn lại của tài sản bán tái thuê	24.537.079.435	-
- Chi phí cho thuê tài sản	873.449.610	1.419.497.051
- Các khoản bị phạt	107.523.956	5.437.393.351
- Chi phí khác	377.791.848	205.752.621
Cộng	25.895.844.849	7.062.643.023

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân công	53.215.663.447	57.130.305.783
- Chi phí nguyên vật liệu	2.536.337.916.837	1.885.779.152.458
- Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	2.900.385.751	6.444.734.761
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.469.589.702	24.939.199.937
- Thuế phí lệ phí	2.553.237.013	2.344.959.129
- Dự phòng phải thu khó đòi	11.173.536.131	19.661.406.969
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.039.674.305	88.839.906.550
- Chi phí bằng tiền khác	6.411.204.904	1.704.370.615
Cộng	2.733.101.208.090	2.086.844.036.202

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.400.807.673	39.855.056.960
Các khoản điều chỉnh tăng	1.821.346.372	89.296.995.710
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	53.222.154.045	129.152.052.670
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	53.222.154.045	129.152.052.670
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	10.644.430.809	25.830.410.534
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	1.408.853.559
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.644.430.809	27.239.264.093

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(12.376.737.807)
Cộng	-	(12.376.737.807)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2024	Doanh thu nội địa VND	Doanh thu xuất khẩu VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.588.612.821.957	300.232.420.969	2.888.845.242.926
Giá vốn hàng bán	2.341.374.849.167	295.732.092.618	2.637.106.941.785
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	247.237.972.790	4.500.328.351	251.738.301.141
Tại ngày 31/12/2024			
Tài sản ngắn hạn			1.454.544.813.752
Tài sản dài hạn			2.768.796.848.384
Nợ ngắn hạn			1.444.818.062.606
Nợ dài hạn			643.769.835.606
Tài sản thuần			2.134.753.763.924

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

35. CÁC CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2024	01/01/2024
- Đến 1 năm	8.197.349.536	6.532.299.995
- Trên 1 - 5 năm	12.073.631.315	9.785.187.495
Cộng	20.270.980.851	16.317.487.490

Cam kết thanh toán

Công ty đã cam kết thanh toán cho các đợt phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần CMC – Công ty con của Công ty với tổng giá trị là 900.000.000.000 VND và sử dụng 7.261.964 cổ phiếu của CMC làm tài sản thế chấp.

36. THÔNG TIN KHÁC**36.1 THÔNG TIN KHÁC VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Công ty con	Dịch vụ tư vấn đầu tư	-	61.615.799.221

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	-	50.000.000
Thành viên	-	50.000.000
Ban Tổng Giám đốc	3.791.330.434	4.836.240.340
Tổng Giám đốc	1.105.347.826	124.875.000
Phó Tổng Giám đốc	825.391.304	1.141.365.340
Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.170.000.000
Phó Tổng Giám đốc	-	2.400.000.000
Phó Tổng Giám đốc	780.591.304	-
Tổng	3.791.330.434	4.886.240.340

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**36.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

36.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.



Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quân
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2025